

Số: 810/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 21 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84, 107, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 841/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Trương Ngọc hT, sinh năm 1981

Địa chỉ cư trú: Số 2P đường P, Phường B, G, TP. Hồ Chí Minh.

- Chị Bùi Thị T, sinh năm 1991

Địa chỉ cư trú: Thôn Trung Thành, xã Lương Trung, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Hôn nhân giữa anh Trương Ngọc hT và chị Bùi Thị T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 15/8/2011 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 13/7/2020, anh Th và chị T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung, có một con chung tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/10/2012. Hai bên thỏa thuận, chị Thủy trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, hàng tháng anh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000đ cho đến khi trẻ Quỳnh A đủ 18 tuổi. Tài sản chung anh Th và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, anh Th và chị T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con, xác định tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Anh Trương Ngọc Th và chị Bùi Thị T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 121 ngày 15/8/2011 do Ủy ban nhân Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho anh Th và chị T hết hiệu lực.

- Về con chung: Có một con chung tên Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/10/2012. Hai bên thỏa thuận chị Bùi Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Anh Trương Ngọc Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi trẻ Quỳnh A đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Th và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trương Ngọc Th và chị Bùi Thị T phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và được cân trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Th và chị T đã đóng tạm ứng lệ phí theo Biên lai số AA/2019/0026509 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Chi cục Thi hành dân sự quận Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Lê Thị Thành Huế**